

학습 안내

Hướng dẫn

□ **Mục tiêu bài học**

Làm quen với biển báo an toàn công nghiệp

□ **Ngữ pháp**

Làm quen với nguyên tắc an toàn trong chế tạo sản xuất

□ **Từ vựng**Biển báo an toàn công nghiệp,
nguyên tắc an toàn trong chế tạo sản xuất□ **Thông tin·Văn hóa**

Bệnh nghề nghiệp



어휘 1 Từ vựng 1

산업 안전 표지 Biển báo an toàn công nghiệp



Sau đây là phần từ vựng liên quan đến biển báo an toàn công nghiệp. Chúng ta cùng tìm hiểu có những từ vựng gì nhé?

출입금지
cấm vào보행금지
cấm người đi bộ금연
cấm hút thuốc화기금지
cấm lửa인화성 물질 경고
cảnh báo vật liệu dễ
cháy산화성 물질 경고
cảnh báo ôxy hóa폭발성 물질 경고
cảnh báo vật liệu dễ
nổ급성독 물질 경고
cảnh báo vật liệu cấp
tính độc hại방사성 물질 경고
cảnh báo phóng xạ고압 전기 경고
cảnh báo điện cao áp매달린 물체 경고
cảnh báo cầu phía trên
đầu낙하물 경고
cảnh báo vật dễ rơi고온 경고
cảnh báo nhiệt độ cao저온 경고
cảnh báo nhiệt độ thấp몸균형 상실 경고
cảnh báo mất cân bằng
cơ thể위험 장소 경고
cảnh báo nơi nguy hiểm



어휘 2 Từ vựng 2

제조업 관련 안전 수칙 Tuân thủ an toàn trong chế tạo sản xuất



Sau đây là phần từ vựng liên quan đến tuân thủ an toàn trong chế tạo sản xuất. Chúng ta cùng tìm hiểu có những từ vựng gì nhé?

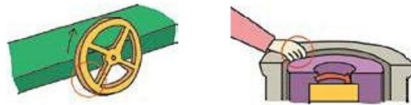
끼임 재해 Tai nạn khi bị kẹt

(1) 직선운동 중인 설비, 기계 사이에 끼임 Bị kẹt vào giữa máy hoặc máy đang chạy trên đường thẳng đứng.



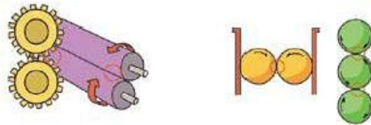
(2) 회전부와 고정물체 사이에 끼임

Bị kẹt ở vòng tròn quay và giữa đồ vật đã lắp cố định



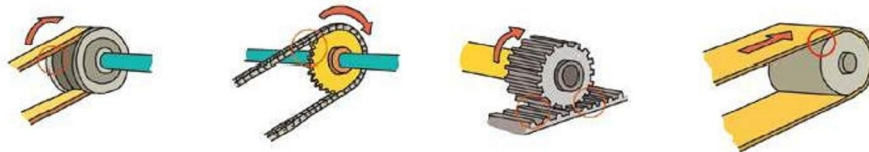
(3) 두 회전체의 물림점에 끼임

Bị kẹt giữa hai bộ phận quay của máy



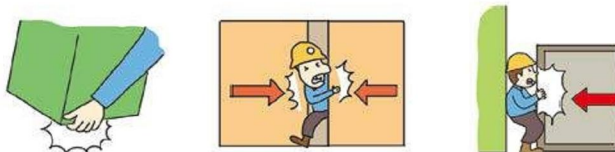
(4) 회전체 및 돌기부에 감김

Bị cuốn vào vòng quay của máy



(5) 인력 운반, 취급 중인 물체에 끼임

Bị kẹt tay nâng đồ vật nặng, kẹt giữa hai vật nặng.



넘어짐 재해 Tai nạn khi bị ngã

(1) 계단, 사다리에서 넘어짐 Bị ngã khi đi cầu thang, leo thang

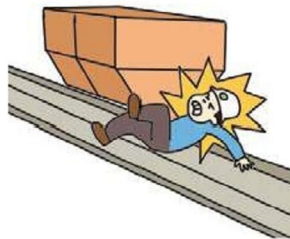


(2) 바닥에서 미끄러짐, 바닥의 돌출물 등에 걸려 넘어짐

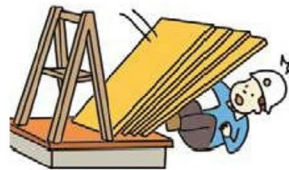
Bị ngã khi nền trơn hoặc vấp vào đồ vật



(3) 운송수단, 설비에서 넘어짐 Bị ngã khi đang lái xe hàng hoặc trên băng tải hàng



(4) 물체의 넘어짐 Bị ngã khi đồ vật đè lên người



부딪힘 재해 Tai nạn khi bị va đập

(1) 사람에 의한 부딪힘

Bị va đập với người



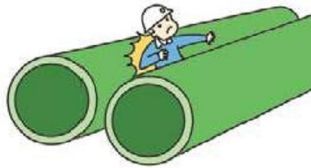
(2) 고속 회전체 등에 부딪힘

Bị va đập lưng vào máy quay với tốc độ cao



(3) 바닥에서 구르는 물체에 부딪힘

Bị va đập với đồ vật quay trên nền xường



(4) 흔들리는 물체에 부딪힘

Bị va đập với đồ vật đang lung lay, di chuyển



(5) 취급사용 물체에 부딪힘

Bị va đập với đồ vật đang làm



(6) 차량 등과의 부딪힘

Bị va đập vào xe



맞음 재해 Tai nạn trực tiếp

(1) 중량물 운반 시 맞음 Bị vật nặng rơi đè lên người khi vận chuyển



(2) 연삭기, 선반, 원심기 가공물에 맞음

Bị đồ vật bắn vào người khi làm máy mài, máy tiện, máy ly tâm



(3) 내압을 받는 용기부품에 맞음

Bị tai nạn bởi những vật dụng chứa áp suất



(4) 보관된 부품에 맞음

Bị những đồ vật bảo quản rơi vào người



기타 재해 Tai nạn khác

(1) 고온, 고압 물이 비산

Tai nạn bởi nước nhiệt độ cao, cao áp



(2) 교류아크용접 작업 중 감전

Bị điện giật khi thao tác hàn hồ quang xoay chiều



(3) 지붕수리 중 떨어짐

Bị rơi khi đang sửa mái nhà



(4) 저장탱크 주유 중 화재

Bị cháy trong khi tiếp nhiên liệu dầu vào bể chứa



(7) 에어조끼에 화상

Bị bỏng bởi áo khoác không khí



(6) 연료통 절단 중 폭발

Bị nổ trong khi cắt bình nhiên liệu





직업병 Bệnh nghề nghiệp

직업병이란?

Bệnh nghề nghiệp là gì?

직업성 질환은 근로자의 질병이 "직업에 의하여 발생한 것"을 말합니다. 직업성 질환은 작업에서 노출되는 유해 인자에 의해 발생하는 전형적인 직업병과 비직업적 요인에 의해서도 발생되지만 직업적 요인에 의해 악화되는 작업 관련성 질환으로 구분됩니다.

Là nói về "Bệnh phát sinh từ nghề nghiệp" với tính chất công việc khi làm sẽ gây bệnh cho người lao động. Bệnh nghề nghiệp được chia ra làm hai loại: một là bệnh nghề nghiệp điển hình xảy ra do tiếp xúc trực tiếp với yếu tố gây hại ở môi trường làm việc, hai là bệnh phát sinh bởi yếu tố phi nghề nghiệp nhưng trở nên trầm trọng bởi yếu tố nghề nghiệp.



소음성 난청 Mất thính lực (bị điếc) do tiếng ồn

소음에 계속 노출되는 경우 영구적으로 청력이 손실되는 소음성 난청이 발생할 수도 있습니다. 또한 이명, 스트레스 증가, 면역체계 변화 등이 발생하여 작업 능률이 저하되거나 작업 중 부주의에 의한 사고를 유발할 수도 있습니다.

Trường hợp làm việc liên tục trong môi trường gây tiếng ồn có thể sẽ gây tổn hại về thính lực. Đồng thời, ù tai, căng thẳng thần kinh gia tăng, hệ thống miễn dịch thay đổi v.v... cũng sẽ làm giảm năng suất công việc hoặc gây ra tai nạn do sự mất tập trung trong khi làm việc..



방사선에 의한 건강 장애 Sức khỏe bị tổn hại do tia bức xạ

방사선에는 발생 에너지가 물체를 이온화시킬 수 있는 전리 방사선과 에너지 수준은 낮으나 지속적인 반복적인 노출에 의해 건강상 나쁜 영향을 발생할 수 있는 비전리 방사선이 있습니다. 전리 방사선 노출에 의한 장애로는 백혈병, 갑상선암, 유방암, 폐암, 뼈암, 피부암 등이 있습니다.

Bức xạ được phân thành hai loại: bức xạ phát ra năng lượng làm ion hóa vật thể và bức xạ không ion hóa có năng lượng thấp nhưng nếu phơi nhiễm liên tục và lặp đi lặp lại sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Những tác hại do phơi nhiễm bức xạ có thể kể ra là: bệnh bạch cầu, ung thư tuyến giáp, ung thư phổi, ung thư tủy xương, ung thư da và các bệnh khác..



